

THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THEO QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

★ TS HỒ THANH THỦY

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Đại hội XIII của Đảng đã xác định các mục tiêu cụ thể cho sự phát triển của đất nước trong những năm tới: “đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁽¹⁾. Để thực hiện thành công ý chí, khát vọng phát triển đất nước, nhiều chương trình hành động đã đề ra, trong đó chủ trương đổi mới sáng tạo được xác định là một trong những đột phá chiến lược của đất nước trong bối cảnh hiện nay.

● **Từ khóa:** đổi mới sáng tạo, Nghị quyết Đại hội XIII.

1. Quan điểm của Đảng về đổi mới sáng tạo

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học và công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) trở thành các yếu tố đầu vào quan trọng nhất của lực lượng sản xuất hiện đại, là chìa khóa quyết định tốc độ, chất lượng phát triển của các quốc gia và nền kinh tế. Vai trò của KHCN trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước luôn được Đảng và Nhà nước ta coi trọng, thể hiện tại Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KHCN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư năm 2019 và nhiều văn kiện, nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khóa XII khẳng định KHCN là quốc sách hàng

đầu, là nền tảng động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Nghị quyết 52 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chiến lược phát triển KHCN Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01-11-2016 Hội nghị Trung ương 4 khóa XII; các bộ luật được sửa đổi và ban hành như Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ...

Để thực hiện được mục tiêu, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra nhiều nhóm giải pháp ở các ngành, lĩnh vực, đặc biệt nhấn mạnh vào phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số: “Phát triển nhanh và bền vững, dựa chủ yếu vào khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn

với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”⁽²⁾.

Chuyển đổi số cùng với sự phát triển mạnh mẽ KHCN và ĐMST là một trong ba trụ cột thực hiện phát triển nhanh, bền vững; đồng thời là một trong những đột phá lớn, góp phần “tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”⁽³⁾. “Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia. Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế”⁽⁴⁾. Đại hội “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hóa số; y tế; giáo dục và đào tạo”⁽⁵⁾.

2. Những kết quả đạt được và hạn chế trong thực hiện đổi mới sáng tạo của Việt Nam

Thời gian qua, Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ KHCN, nhất là trên các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... KHCN của Việt Nam đã từng bước hội nhập, giao lưu với nền KHCN thế giới, tạo thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Theo số liệu nghiên cứu của Bộ Khoa học và Công nghệ, chỉ số năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 45,2% giai đoạn 2016-2020, tính chung 10 năm 2011-2020 đạt 39,0% (vượt mục tiêu 35%), nhân tố KHCN đóng góp hơn 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020; Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 5,8%/năm (cao hơn nhiều mức 4,3%/năm của giai đoạn 2011-2015)⁽⁶⁾.

Số lượng bài báo ISI (thống kê trên Isiknowledge) của Việt Nam tăng đều hàng năm. Một số lĩnh vực khoa học tự nhiên như toán học, vật lý, hóa học tiếp tục giữ thứ hạng cao trong khu vực ASEAN. Tốc độ tăng trưởng bình quân công bố quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 là 25,68%/năm. Tại Đông Nam Á, số lượng công bố quốc tế của Việt Nam đứng thứ 5 với tổng số 48.366 công bố, xếp sau Thái Lan với 87.971 công bố và xếp thứ 56 trên tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Số lượng công bố của 10 tháng đầu năm 2020 đã vượt 16% so với năm 2019⁽⁷⁾.

Hệ thống các tổ chức KHCN tại Việt Nam có sự phát triển mạnh, với hơn 4.000 tổ chức KHCN thuộc mọi thành phần kinh tế. Đội ngũ nhân lực phát triển cả về số lượng và chất lượng với khoảng 67 nghìn cán bộ nghiên cứu, đạt tỷ lệ 7 người/vạn dân. Với nguồn lực tham gia hoạt động KHCN hiện có, Việt Nam đã có thêm nhiều thành tựu trong nghiên cứu, ĐMST. Theo đó, KHCN đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của các ngành chủ chốt.

Năm 2019, lần đầu tiên vệ tinh do kỹ sư Việt Nam thiết kế bay vào vũ trụ; ra mắt nền tảng dữ

liệu bản đồ số Việt Nam - Vmap (đây được coi là sự kết tinh của trí tuệ Việt Nam trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư).

Các nhà khoa học trong nước đã làm chủ công nghệ thiết kế, thi công các nhà máy thủy điện lớn, công trình ngầm, nhà cao tầng, cầu dây văng, đường cao tốc đạt chuẩn quốc tế; chế tạo thành công thiết bị cơ khí thủy công và nâng hạ siêu trường, siêu trọng.

Trong lĩnh vực nông nghiệp: gạo ST25, ST24 của Việt Nam được bình chọn là gạo ngon nhất và ngon thứ hai thế giới liên tục trong nhiều năm từ 2017-2020 do ICI (International Commodity Institute) cấp chứng nhận. Việt Nam đã sản xuất thành công vắc xin phòng nhiều bệnh cho vật nuôi.

Những năm gần đây, Việt Nam đã tổ chức thành công các Ngày hội

ĐMST, Ngày hội Khởi nghiệp ĐMST. Kết quả đạt được cho thấy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của Việt Nam đã từng bước tiến ra và hội nhập quốc tế. Theo thống kê năm 2021 của Bộ Khoa học - Công nghệ, Việt Nam hiện có hơn 1.400 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp. Nhiều quỹ đầu tư mạo hiểm coi Việt Nam là thị trường mục tiêu và hiện có 108 quỹ đang hoạt động tại Việt Nam, trong đó có 23 quỹ có pháp nhân Việt Nam, 23 quỹ thuần Việt⁽⁸⁾. Những con số này liên tục tăng trong nhiều năm qua, thể hiện sự tham gia tích cực của cộng đồng vào sự phát triển hệ sinh thái ĐMST. Thị trường công nghệ, hệ thống sở hữu

trí tuệ từng bước được hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh. Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng với tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế đạt gần 50%. Các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ ở 63 tỉnh, thành phố được đầu tư nâng cấp.

Số lượng các hợp đồng chuyển giao công nghệ được cấp giấy chứng nhận đăng ký tăng mạnh. Các hợp đồng chuyển giao công nghệ chủ yếu là chuyển giao từ nước ngoài vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong các lĩnh vực ô tô, xe máy, điện tử, hóa chất, thiết bị y tế, sản xuất thuốc, chế biến thực phẩm⁽⁹⁾.

Đầu tư cho KHCN những năm qua đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ trong đóng góp của xã hội, nhất là từ khu vực doanh nghiệp. Nếu như khoảng 10 năm trước đây, kinh phí hoạt động KHCN chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước (NSNN) (khoảng 70% tổng đầu tư cho KHCN), thì đến nay đầu tư cho KHCN từ NSNN và từ doanh nghiệp đã tương đối cân bằng với tỷ lệ tương ứng là 52% và 48%⁽¹⁰⁾.

Trong lĩnh vực y tế, vai trò của KHCN ngày càng được khẳng định với nhiều đề xuất, giải pháp sáng chế, phục vụ hiệu quả cho công tác phòng chống dịch Covid-19. Về ghép tạng, Việt Nam đi sau thế giới khoảng 40 - 50 năm nhưng đã ghép thành công cả 6 tạng gồm thận, gan, tim, ghép khối tụy - thận, phổi, ruột. Những

Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Phát triển nhanh và bền vững, dựa chủ yếu vào khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”.

thành tựu này là bước tiến của nền y học Việt Nam, đồng thời khẳng định hiệu quả đầu tư cho KHCN thời gian qua.

Trong bảng xếp hạng của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới (WIPO), chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) của Việt Nam tăng 17 bậc trong giai đoạn 2016-2021, đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á, đứng đầu trong số các quốc gia ở mức thu nhập trung bình thấp⁽¹¹⁾.

Mặc dù đã có những cải thiện nhất định về tiềm lực KHCN và ĐMST, song đến nay hoạt động này của nước ta còn nhiều hạn chế, thách thức. Việc đổi mới công nghệ so với mặt bằng chung vẫn còn chậm. Năng lực tiếp cận thị trường KHCN của Việt Nam còn thấp so với các nước trên thế giới, ít các tổ chức trung gian có uy tín, kinh nghiệm trong hoạt động kết nối cung - cầu. Nguồn cung công nghệ của thị trường hạn chế, đổi mới công nghệ chưa trở thành nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp. Việt Nam đã mở rộng và đa dạng hóa cơ cấu ngành hàng xuất khẩu, nhưng quá trình chuyển đổi cơ cấu sang xuất khẩu các mặt hàng và dịch vụ “công nghệ cao”, phức tạp hơn và có hàm lượng tri thức cao hơn vẫn diễn ra khá chậm. Việc mắc kẹt trong các hoạt động tạo ít giá trị gia tăng đã hạn chế khả năng học hỏi công nghệ và nâng cao năng lực sáng tạo.

Việt Nam có nguồn nhân lực đông, sức khỏe tốt, song lại thiếu kỹ năng và năng lực ĐMST. Đây là điểm bất lợi của lao động Việt Nam để hội nhập với lao động thế giới. Đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2019, kỹ năng kỹ thuật số của người Việt Nam ở mức điểm 3,8 trên thang điểm 7 (xếp hạng 97), kỹ năng phản biện trong giảng dạy chỉ ở mức 3 điểm trên thang điểm 7 (xếp hạng 106/141 nền kinh tế). Bên cạnh đó, năng lực của các tổ chức nghiên cứu còn nhiều hạn chế. Ở cấp độ tổ chức, các

viện nghiên cứu và các tổ chức nghiên cứu đối mặt thực trạng thiếu nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực, điều này đặt ra những thách thức lớn trong thực hiện các kế hoạch và nhiệm vụ được giao từ các bộ chủ quản và cơ quan giám sát. Môi trường nghiên cứu chưa thực sự thuận lợi, chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả dựa trên dữ liệu và số liệu cụ thể dẫn đến hoạt động đầu tư còn kém hiệu quả và chưa đạt yêu cầu. Quy mô của các viện nghiên cứu tương đối nhỏ cả về số lượng nhà nghiên cứu và ngân sách để khai thác quy mô kinh tế và triển khai các nghiên cứu liên ngành.

Số bằng phát minh sáng chế, số sáng chế áp dụng để thương mại hóa của Việt Nam đều ở khoảng cách khá xa so với các nước. Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam còn hạn chế. Theo tính toán, chi cho hoạt động R&D của Việt Nam năm 2018 chỉ khoảng 0,4% GDP so với con số 3,3% GDP của Nhật Bản, 2,2% GDP của Xinhgapo, 2,1% GDP của Trung Quốc.

Gần 97% doanh nghiệp Việt Nam có quy mô nhỏ và vừa, thậm chí là siêu nhỏ, chưa đổi mới mạnh về tư duy để bắt kịp xu hướng công nghệ. Vì vậy, đổi mới mô hình quản trị doanh nghiệp gắn với đổi mới công nghệ và thị trường là thách thức lớn của Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó vẫn tồn tại những bất cập trong triển khai các hiệp định thương mại song phương, đa phương để các doanh nghiệp nhận thức được và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

3. Giải pháp thúc đẩy phát triển đổi mới sáng tạo theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng

Công cuộc phát triển đất nước đang đứng trước nhiều thách thức. Tốc độ tăng trưởng GDP giảm trong bối cảnh quốc tế bất ổn động hơn, nguồn lực tăng trưởng trước đây đang suy giảm làm tăng nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung

bình”. ĐMST là nguồn lực nội sinh, chìa khóa để tạo đột phá trong phát triển, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, là công cụ then chốt trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; cung cấp giải pháp giải quyết các thách thức về kinh tế - xã hội, môi trường. Thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy ĐMST, coi đây là chìa khóa thành công và một trong những “lợi khí” quan trọng nhất trong chiến lược phát triển. Theo đó, cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, gia tăng quản trị công cho hệ thống ĐMST

Chính phủ có vai trò rất quan trọng trong việc đề ra và thực hiện định hướng ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội dài hạn. Một hệ thống ĐMST phát triển phải được cung cấp đầy đủ nguồn lực, bảo đảm cho các tổ chức nhà nước vận hành tốt và các bộ phận trong hệ thống ĐMST gắn kết với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Chính sách khuyến khích ĐMST hiệu quả phải nhắm tới những mục tiêu mang tính thách thức, nhưng thực tế và khả thi. Các chính sách và chương trình KHCN và ĐMST cần phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chính sách công nghiệp và chính sách giáo dục, đào tạo. Các chương trình KHCN và ĐMST có sự gắn kết với các chương trình liên quan, phân bổ nguồn kinh phí và nguồn nhân lực cho các mục đích và lĩnh vực cụ thể chưa được liên kết một cách có hệ thống.

Tiếp tục đổi mới tư duy về thể chế, chính sách theo hướng tạo môi trường thuận lợi và huy động sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước vào lĩnh vực KHCN và ĐMST. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về KHCN và ĐMST; đồng thời, tháo gỡ vướng mắc trong hệ thống luật pháp và chính sách để KHCN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tháo gỡ các rào cản, vướng mắc từ các

ơ chế, chính sách kinh tế, đầu tư, thương mại... Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động ĐMST là cầu nối để KHCN phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, qua đó tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng.

Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành và sự tham gia của các doanh nghiệp vào quá trình hoạch định chiến lược và chính sách. Có cơ chế ở cấp cao, đi kèm với mạng lưới phi chính thức và sự phối hợp giữa các cơ quan thực hiện chính sách. Tránh sự tách biệt các hoạt động KHCN giữa các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các tỉnh để phát huy hiệu quả quản lý nguồn lực đối với hoạt động KHCN, ĐMST. Công tác hoạch định chính sách và thiết lập môi trường nghiên cứu khoa học dựa trên bằng chứng, dữ liệu khách quan sẽ gặp khó khăn nếu thiếu hệ thống thông tin và dữ liệu về các hoạt động nghiên cứu, phát triển, các hoạt động ĐMST của doanh nghiệp.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực cho ĐMST

Thực hiện ĐMST phụ thuộc rất lớn vào nguồn nhân lực. Năng lực sáng tạo quốc gia phụ thuộc phần lớn vào chất lượng giáo dục, đào tạo và vào mức độ bao phủ của hệ thống giáo dục. Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhưng cần làm nhiều hơn nữa để gia tăng số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nghề trung cấp và cao đẳng. Cần khắc phục tình trạng chương trình giảng dạy thiếu thực tế, phương pháp giảng dạy truyền thống, thiếu định hướng nghề nghiệp. Kết nối giữa các trường với các ngành/ngành và doanh nghiệp còn hạn chế, chỉ một vài trường đại học có sự hợp tác với các doanh nghiệp. Giữa các trường đại học và các doanh nghiệp không có đơn vị chuyên trách thực hiện liên kết, thúc đẩy chuyển giao công

nghệ. Ngoài hạn chế về kinh phí, việc quản trị giáo dục đại học còn thiếu thông tin về nhu cầu thị trường và các biện pháp khuyến khích đáp ứng các nhu cầu đó.

Mở rộng cơ hội chuyên môn hóa theo ngành nghề ở bậc trung học phổ thông và nâng cao vị thế của đào tạo nghề là vấn đề cần thiết. Cần khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước và các tập đoàn đa quốc gia, tăng cường đầu tư vào dạy nghề, tài trợ cho những chương trình đào tạo theo nhu cầu và tham gia vào quá trình thiết kế, xây dựng giáo trình và chương trình.

Tạo cơ hội nâng cao tay nghề cho những người đã tham gia lực lượng lao động và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề ngắn hạn. Mở rộng cơ hội vừa học vừa làm và học tập suốt đời.

Thực hiện đối tác công tư sẽ khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư cho KHCN và ĐMST. Thực hiện các biện pháp bổ sung nhằm thu hút đầu tư nước ngoài có hàm lượng tri thức cao và tạo điều kiện phát huy tác động lan tỏa từ doanh nghiệp nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước. Thực hiện chương trình thí điểm đối tác công tư về R&D và ĐMST nhằm tận dụng nguồn lực, tăng cường hợp tác giữa các cơ quan nghiên cứu nhà nước và doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nước ngoài.

Bối cảnh đại dịch Covid-19 cho thấy tầm quan trọng của việc đầu tư cho nghiên cứu phát triển, ĐMST trong quá trình chuyển đổi sang cách làm mới, cách sống mới. Ưu tiên cho ĐMST là chìa khóa để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; là cơ hội thúc đẩy các nhà sáng tạo đổi mới để hiện thực hóa những ý tưởng của mình, giải quyết những thách thức về tài chính, biến đổi khí hậu,...

Thứ ba, doanh nghiệp làm trung tâm trong hệ thống ĐMST quốc gia

Chính phủ tiếp tục tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ; phát triển các sản phẩm theo chuỗi giá trị; hỗ trợ doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tiến hành rà soát, tái cơ cấu các chương trình KHCN quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp để đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng nhanh vào sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát triển, khai thác tài sản trí tuệ...

Các doanh nghiệp cần lấy đổi mới công nghệ và chất lượng quản lý làm phương pháp then chốt để khắc phục khó khăn và phát triển; để doanh nghiệp thực sự trở thành chủ thể chính của hệ thống ĐMST quốc gia. Để tồn tại và lớn mạnh, các doanh nghiệp cần hướng vào thị trường, đẩy mạnh hoạt động R&D, tích cực ứng dụng các thành tựu khoa học, tăng lợi ích kinh tế bằng cách dựa vào tiến bộ công nghệ và nâng cấp công nghệ.

Cần đầu tư về kết cấu hạ tầng để bảo đảm tính bền vững của cơ sở hạ tầng KHCN và ĐMST. Phát triển và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức trung gian hỗ trợ R&D và ĐMST, các khu công nghệ cao, các vườn ươm công nghệ, trung tâm hỗ trợ và thúc đẩy khởi nghiệp ĐMST, các sàn giao dịch công nghệ của quốc gia, vùng và địa phương, có chính sách ưu đãi mạnh mẽ hơn nữa để thu hút các doanh nghiệp lớn của nước ngoài chuyển giao công nghệ và xây dựng các trung tâm R&D ở Việt Nam; tạo điều kiện cho các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp trong nước cùng liên kết để phát triển nhanh các lĩnh vực công nghệ then chốt của Cách mạng

công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực công nghệ trong nước.

Xây dựng hệ sinh thái ĐMST có tính mở và liên kết. Đại dịch Covid-19 đặt nền kinh tế nước ta, trong đó có hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trước nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi sự quyết tâm, đồng lòng và tập trung mọi nguồn lực để vượt qua khó khăn. ĐMST, liên kết hợp tác và ứng dụng KHCN không chỉ là phương thức, công cụ phát triển mới mà trên hết là một tư duy mới, triết lý mới cho sự phát triển. ĐMST là tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới, cải tiến sản phẩm, dịch vụ đã có, cải tiến quy trình, dây chuyền sản xuất kinh doanh, hơn nữa là đổi mới về tư duy, đổi mới mô hình kinh doanh. ĐMST tạo ra giá trị mới, cách làm mới, hiệu quả mới, tiếp cận nhanh với tốc độ phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tận dụng tài nguyên và nguồn lực có sẵn để cùng phát triển là hướng mở trong thời gian tới.

Thứ tư, phát huy vai trò của các trường đại học và cơ sở nghiên cứu nhà nước cho ĐMST

Để phát huy vai trò trong ĐMST, các trường đại học cần không ngừng đổi mới chương trình đào tạo, có sự kết nối chặt chẽ, hiệu quả với các doanh nghiệp, tổ chức tài chính và tổ chức hỗ trợ, đồng thời có cơ chế phù hợp để khai thác tối đa nguồn lực giảng viên và sinh viên phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Trường đại học phải thực hiện đúng chức năng là: đào tạo và phát triển nhân tài, nguồn nhân lực, bao gồm cả doanh nhân khởi nghiệp, các nhà quản lý và các nhà chuyên môn. Nhà trường cần được đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, phòng thí nghiệm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp/dự án khởi nghiệp; cung cấp công nghệ để các doanh nghiệp khởi nghiệp tăng trưởng nhanh; có cơ chế phù hợp để huy động giảng viên thành chuyên gia cho các dự án khởi nghiệp của sinh viên.

Tiếp tục thực hiện đổi mới mô hình quản lý các cơ quan nghiên cứu theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao hiệu quả hoạt động. Các cơ sở nghiên cứu phải bám sát mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội. Trao quyền tự chủ cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN và tổ chức KHCN công lập, đi đôi với cơ chế bắt buộc chịu sự đánh giá độc lập và giám sát xã hội, công khai kết quả hoạt động KHCN. Rà soát hiện trạng để đầu tư có chọn lọc đối với một số tổ chức KHCN trọng điểm; xem xét chấm dứt đầu tư và giải thể các cơ sở hoạt động kém hiệu quả □

Ngày nhận bài: 2-9-2021; Ngày phản biện: 20-12-2021; Ngày duyệt đăng: 17-1-2022.

(1), (2), (3), (4) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.206, 214, tr.221, tr.227.

(5) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.104-105.

(6), (7), (9), (10) Báo điện tử ĐCSVN: *Khoa học và công nghệ - động lực phát triển kinh tế - xã hội*, <https://dangcongsan.vn/khoa-hoc-va-cong-nghe-voi-su-nghiep-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc/diem-nhan-khoa-hoc-va-cong-nghe/khoa-hoc-va-cong-nghe-dong-luc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-571642.html>, truy cập ngày 24-12-2020.

(8), (11) Báo điện tử Nhân dân: *Đổi mới tư duy, cơ chế, chính sách để khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá đưa đất nước phát triển mạnh mẽ*, <https://nhandan.vn/khoahoc-congnghe/doi-moi-tu-duy-co-che-chinh-sach-de-khoa-hoc-va-cong-nghe-tro-thanh-khau-dot-pha-dua-dat-nuoc-phat-trien-manh-me-632703/>, truy cập ngày 23-01-2021.